

1																
UBND HUYỆN MÊ LINH HĐTD VIÊN CHỨC GIÁO DỤC																
THÔNG BÁO KẾT QUẢ THI VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC HUYỆN MÊ LINH NĂM 2025																
(Đính kèm Thông báo số: /TB-HĐTD ngày / /2025 của Hội đồng tuyển dụng VCGD huyện năm 2025)																
Số TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ca thi (1:sáng 2:chiều)	Phòng Thi	Ngày thi	GK1	GK2	Điểm chung GK	Điểm cộng	Điểm tổng
1	ML02	Nguyễn Việt	Trình	18/12/1999	Nữ	GV Mầm non	MN Chi Đông		1	1	24/5	89.40	89.00	89.20		89.20
2	ML10	Lã Thị	Hương	15/12/1994	Nữ	GV Mầm non	MN Đại Thịnh A		1	1	24/5	72.00	71.80	71.90		71.90
3	ML11	Nguyễn Thị	Huyền	11/8/1994	Nữ	GV Mầm non	MN Đại Thịnh A		1	1	24/5	76.00	76.00	76.00		76.00
4	ML14	Trần Thị	Thùy	06/2/2000	Nữ	GV Mầm non	MN Đại Thịnh A		1	1	24/5	85.00	85.20	85.10		85.10
5	ML18	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/06/1995	Nữ	GV Mầm non	MN Đại Thịnh B		1	2	24/5	70.50	71.50	71.00		71.00
6	ML21	Đỗ Thị	Liên	28/07/1994	Nữ	GV Mầm non	MN Đại Thịnh B		1	2	24/5	74.00	75.00	74.50		74.50
7	ML27	Đinh Thị	Thanh	05/07/2000	Nữ	GV Mầm non	MN Mê Linh		1	2	24/5	93.00	93.00	93.00		93.00
8	ML28	Nguyễn Thị	Thơm	03/7/1991	Nữ	GV Mầm non	MN Mê Linh		1	2	24/5	90.50	90.50	90.50		90.50
9	ML36	Nguyễn Thị	Thu	07/03/1998	Nữ	GV Mầm non	MN Quang Minh A		2	1	24/5	84.00	85.00	84.50		84.50
10	ML39	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	05/6/1999	Nữ	GV Mầm non	MN Quang Minh B		2	1	24/5	84.00	84.00	84.00		84.00
11	ML42	Trần Thị	Thu	12/01/1993	Nữ	GV Mầm non	MN Quang Minh B		2	1	24/5	80.00	81.00	80.50		80.50
12	ML51	Tạ Thị	Huệ	17/11/1993	Nữ	GV Mầm non	MN Tam Đồng		2	1	24/5	55.00	54.80	54.90		54.90
13	ML61	Nguyễn Thị	Xuất	20/9/1994	Nữ	GV Mầm non	MN Tam Đồng		2	2	24/5	72.50	70.70	71.60		71.60
14	ML62	Trần Thị	Duyên	25/02/1993	Nữ	GV Mầm non	MN Thạch Đà A		2	2	24/5	70.50	72.70	71.60		71.60
15	ML68	Nguyễn Thị Lan	Anh	15/08/2000	Nữ	GV Mầm non	MN Thanh Lâm B		2	2	24/5	60.00	60.00	60.00		60.00
16	ML69	Bùi Thị	Ánh	13/7/1998	Nữ	GV Mầm non	MN Thanh Lâm B		2	2	24/5	76.00	75.00	75.50		75.50
17	ML70	Nguyễn Thị	Chuyên	08/3/2000	Nữ	GV Mầm non	MN Thanh Lâm B		1	1	25/5	66.00	65.00	65.50		65.50
18	ML77	Hoàng Thị	Hạnh	01/3/2000	Nữ	GV Mầm non	MN Tiền Phong B		1	1	25/5	70.00	70.00	70.00		70.00
19	ML82	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	14/01/2003	Nữ	GV Mầm non	MN Tiến Thắng A		1	1	25/5	87.00	86.00	86.50		86.50
20	ML84	Nguyễn Thị	Oanh	18/6/1995	Nữ	GV Mầm non	MN Tiến Thắng A		1	1	25/5	83.00	84.00	83.50		83.50
21	ML86	Nguyễn Thị Thanh	Bình	04/01/1997	Nữ	GV Mầm non	MN Tiến Thắng B		1	1	25/5	69.00	69.00	69.00		69.00
22	ML88	Lê Thị Thu	Hà	20/09/1995	Nữ	GV Mầm non	MN Tiến Thắng B		1	2	25/5	70.00	71.00	70.50		70.50
23	ML97	Lê Thị	Trang	20/3/1985	Nữ	GV Mầm non	MN Tiến Thắng B		1	2	25/5	73.00	74.00	73.50		73.50
24	ML102	Đoàn Thị Thu	Hương	18/11/1991	Nữ	GV Mầm non	MN Tráng Việt		1	2	25/5	53.00	54.00	53.50		53.50
25	ML106	Bùi Thị	Dung	12/02/1997	Nữ	GV Mầm non	MN Văn Khê A		1	2	25/5	83.00	84.00	83.50		83.50
26	ML109	Tạ Thị Minh	Phương	02/9/1997	Nữ	GV Mầm non	MN Văn Khê A		1	2	25/5	85.00	85.00	85.00		85.00
27	ML112	Nguyễn Quỳnh	Anh	28/11/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Chi Đông		1	3	24/5	85.00	86.00	85.50		85.50
28	ML113	Phan Nhật	Diễm	04/11/2003	Nữ	Văn hoá TH	TH Chi Đông		1	3	24/5	83.00	82.50	82.80		82.75
29	ML121	Lê Thị	Tâm	12/5/1995	Nữ	Văn hoá TH	TH Chi Đông		1	3	24/5	85.00	83.00	84.00		84.00
30	ML126	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	24/12/1997	Nữ	Văn hoá TH	TH Chu Phan		1	3	24/5	83.50	84.00	83.80		83.75

Số TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ca thi (1:sáng 2:chiều)	Phòng Thi	Ngày thi	GK1	GK2	Điểm chung GK	Điểm cộng	Điểm tổng
31	ML128	Nguyễn Lê Tú	Anh	12/2/2001	Nữ	Văn hoá TH	TH Đại Thịnh A		1	4	24/5					Bỏ thi
32	ML129	Chu Thị Thanh	Hằng	02/01/1995	Nữ	Văn hoá TH	TH Đại Thịnh A		1	4	24/5	89.00	89.50	89.25		89.25
33	ML130	Quách Mỹ	Hạnh	30/08/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Đại Thịnh A		1	4	24/5	80.00	80.50	80.25		80.25
34	ML133	Nguyễn Thúy	Hằng	22/10/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Đại Thịnh B		1	4	24/5					Bỏ thi
35	ML137	Nguyễn Thị Như	Huyền	08/06/1997	Nữ	Văn hoá TH	TH Đại Thịnh B	Con CĐDC	1	5	24/5	75.00	75.00	75.00	5.00	80.00
36	ML138	Đỗ Khánh	Linh	26/4/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Đại Thịnh B		1	5	24/5	72.00	69.00	70.50		70.50
37	ML143	Đinh Hồng	Nhung	03/03/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Đại Thịnh B		1	5	24/5	77.50	74.50	76.00		76.00
38	ML144	Nguyễn Khánh	Thư	21/09/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Đại Thịnh B		1	5	24/5	79.00	77.00	78.00		78.00
39	ML145	Lê Thu	Trang	22/6/1995	Nữ	Văn hoá TH	TH Đại Thịnh B		1	6	24/5	80.00	80.00	80.00		80.00
40	ML146	Nguyễn Thu	Trang	27/03/1995	Nữ	Văn hoá TH	TH Đại Thịnh B		1	6	24/5					Bỏ thi
41	ML150	Nguyễn Thị Thanh	Hải	22/11/1994	Nữ	Văn hoá TH	TH Kim Hoa B		1	6	24/5	71.50	72.00	71.80		71.75
42	ML155	Phạm Thị Phương	Huyền	30/08/2000	Nữ	Văn hoá TH	TH Liên Mạc B		1	6	24/5	81.00	81.00	81.00		81.00
43	ML156	Lê Thị	Thị	10/5/1999	Nữ	Văn hoá TH	TH Liên Mạc B		1	7	24/5	69.00	69.50	69.25		69.25
44	ML157	Nguyễn Phương	Anh	12/11/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Mê Linh		1	7	24/5	79.00	79.50	79.25		79.25
45	ML158	Dương Linh	Nhung	12/02/2003	Nữ	Văn hoá TH	TH Mê Linh		1	7	24/5	80.00	80.50	80.25		80.25
46	ML159	Bùi Quỳnh	Anh	09/7/1994	Nữ	Văn hoá TH	TH Quang Minh A		1	7	24/5	87.00	86.00	86.50		86.50
47	ML161	Nguyễn Thị	Hiền	03/12/1997	Nữ	Văn hoá TH	TH Quang Minh A		2	3	24/5	62.00	65.00	63.50		63.50
48	ML164	Trương Thị	Thắm	07/6/1996	Nữ	Văn hoá TH	TH Quang Minh A		2	3	24/5	70.00	70.00	70.00		70.00
49	ML167	Phạm Hương	Giang	30/04/1999	Nữ	Văn hoá TH	TH Quang Minh B		2	3	24/5	88.00	88.00	88.00		88.00
50	ML168	Hoàng Hồng	Hạnh	28/11/2003	Nữ	Văn hoá TH	TH Quang Minh B		2	3	24/5					Bỏ thi
51	ML171	Ngô Thị Thanh	Huyền	16/10/1999	Nữ	Văn hoá TH	TH Quang Minh B		2	4	24/5	86.50	86.50	86.50		86.50
52	ML172	Phạm Khánh	Linh	29/11/1996	Nữ	Văn hoá TH	TH Quang Minh B		2	4	24/5	90.50	91.50	91.00		91.00
53	ML181	Phùng Thị	Hằng	27/09/1992	Nữ	Văn hoá TH	TH Tam Đồng		2	4	24/5	80.00	80.00	80.00		80.00
54	ML183	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	25/5/2000	Nữ	Văn hoá TH	TH Tam Đồng	DTTS	2	4	24/5					Bỏ thi
55	ML185	Nguyễn Thị	Thanh	03/7/2000	Nữ	Văn hoá TH	TH Tam Đồng		2	5	24/5	63.00	62.00	62.50		62.50
56	ML188	Nguyễn Đức	Linh	11/06/2000	Nữ	Văn hoá TH	TH Thạch Đà B		2	5	24/5	87.00	87.00	87.00		87.00
57	ML189	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	16/11/1998	Nữ	Văn hoá TH	TH Thạch Đà B		2	5	24/5	84.50	85.00	84.75		84.75
58	ML192	Nguyễn Thị	Lan	26/10/1993	Nữ	Văn hoá TH	TH Thanh Lâm B		2	5	24/5	81.00	81.00	81.00		81.00
59	ML195	Đào Thị	Phượng	05/2/2000	Nữ	Văn hoá TH	TH Thanh Lâm B		2	6	24/5	70.00	71.00	70.50		70.50
60	ML199	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	01/8/1994	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiền Phong A		2	6	24/5	81.00	80.00	80.50		80.50
61	ML201	Đàm Thị	Huế	28/10/1996	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiền Phong A		2	6	24/5	80.00	79.00	79.50		79.50
62	ML207	Nguyễn Thị	Thắm	24/04/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiền Phong A		2	6	24/5					Bỏ thi
63	ML209	Ngô Thị Thu	Uyên	13/4/1998	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiền Phong A		2	7	24/5	84.50	83.50	84.00		84.00
64	ML210	Vũ Thị Thuý	Vân	30/7/1996	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiền Phong A		2	7	24/5	79.00	77.00	78.00		78.00
65	ML212	Nguyễn Phương	Mai	18/05/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiền Phong A		2	7	24/5	87.00	87.00	87.00		87.00

Số TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ca thi (1:sáng 2:chiều)	Phòng Thi	Ngày thi	GK1	GK2	Điểm chung GK	Điểm cộng	Điểm tổng
66	ML213	Trương Hoài	An	29/11/2003	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiền Phong B		2	7	24/5					Bỏ thi
67	ML214	Bùi Thị Bảo	Anh	14/11/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiền Phong B		1	3	25/5	71.00	70.50	70.75		70.75
68	ML215	Nguyễn Diệu	Anh	25/6/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiền Phong B		1	3	25/5	85.00	83.50	84.25		84.25
69	ML218	Nguyễn Hương	Giang	14/2/2003	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiền Phong B		1	3	25/5					Bỏ thi
70	ML222	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/02/1998	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiền Phong B		1	3	25/5	90.00	90.00	90.00		90.00
71	ML224	Lê Hồng	Nhung	12/10/1998	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiền Phong B		1	4	25/5	88.00	88.00	88.00		88.00
72	ML227	Nguyễn Thanh	Thảo	22/12/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiền Phong B		1	4	25/5	86.00	85.00	85.50		85.50
73	ML229	Nguyễn Thị	Vân	12/08/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiền Phong B		1	4	25/5	88.00	88.00	88.00		88.00
74	ML239	Bùi Vũ Thảo	Trang	22/04/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiến Thắng A		1	4	25/5	81.00	82.00	81.50		81.50
75	ML240	Nguyễn Thị	Linh	05/12/2000	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiến Thắng B		1	5	25/5	78.00	78.00	78.00		78.00
76	ML242	Nguyễn Thị	Thùy	19/04/1997	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiến Thắng B		1	5	25/5	79.00	79.00	79.00		79.00
77	ML243	Nguyễn Thị	Xuyến	02/04/1984	Nữ	Văn hoá TH	TH Tiến Thắng B		1	5	25/5	82.00	82.00	82.00		82.00
78	ML245	Nguyễn Thị	Hoài	02/11/2001	Nữ	Văn hoá TH	TH Tráng Việt A		1	5	25/5	79.00	79.00	79.00		79.00
79	ML248	Bùi Thị	Tình	26/08/1989	Nữ	Văn hoá TH	TH Tráng Việt A		1	6	25/5	64.00	66.00	65.00		65.00
80	ML249	Đào Thê	Hùng	17/06/1996	Nam	Văn hoá TH	TH Tráng Việt B	HT NVQS	1	6	25/5	69.00	70.00	69.50	2.50	72.00
81	ML250	Hoàng Thị Mai	Liên	16/10/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Tráng Việt B		1	6	25/5	70.00	69.00	69.50		69.50
82	ML252	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/09/1997	Nữ	Văn hoá TH	TH Tự Lập A		1	6	25/5	74.00	75.00	74.50		74.50
83	ML253	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	22/6/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Tự Lập A		1	7	25/5	90.00	88.00	89.00		89.00
84	ML256	Nguyễn Vũ	Kỳ	20/04/1997	Nam	Văn hoá TH	TH Tự Lập A		1	7	25/5	83.00	84.00	83.50		83.50
85	ML262	Lê Đức	Mạnh	01/7/1992	Nam	Văn hoá TH	TH Văn Khê B		1	7	25/5	90.50	91.50	91.00		91.00
86	ML267	Nguyễn Thị Phương	Thảo	14/09/1998	Nữ	Văn hoá TH	TH Văn Khê B		1	7	25/5	74.00	74.50	74.30		74.25
87	ML269	Hạ Phương	Anh	21/5/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Vạn Yên		2	3	25/5	82.00	82.00	82.00		82.00
88	ML272	Tạ Thị	Hường	02/1/1994	Nữ	Văn hoá TH	TH Vạn Yên		2	3	25/5	85.00	87.00	86.00		86.00
89	ML273	Đài Thị	Huyền	19/02/1999	Nữ	Văn hoá TH	TH Vạn Yên		2	4	25/5	79.50	79.00	79.25		79.25
90	ML275	Tạ Thị Mỹ	Linh	26/4/2000	Nữ	Văn hoá TH	TH Vạn Yên		2	4	25/5	90.00	90.00	90.00		90.00
91	ML278	Nguyễn Ngọc Huyền	My	10/6/2000	Nữ	Văn hoá TH	TH Vạn Yên		2	5	25/5	82.00	82.00	82.00		82.00
92	ML279	Nguyễn Thị	Nhi	12/6/2001	Nữ	Văn hoá TH	TH Vạn Yên		2	5	25/5	80.00	80.00	80.00		80.00
93	ML280	Kim Thị Hồng	Nhung	28/5/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Vạn Yên		2	6	25/5	62.00	62.00	62.00		62.00
94	ML281	Dương Thị	Oanh	29/5/1995	Nữ	Văn hoá TH	TH Vạn Yên		2	6	25/5					Bỏ thi
95	ML287	Nguyễn Thị Kiều	Vân	13/11/2002	Nữ	Văn hoá TH	TH Vạn Yên		2	7	25/5	73.00	75.00	74.00		74.00
96	ML288	Đặng Thị	Vân	01/10/1999	Nữ	Văn hoá TH	TH Vạn Yên		2	7	25/5	86.00	84.00	85.00		85.00
97	ML286	Bá Thị Huyền	Trang	27/05/1992	Nữ	Văn hoá TH	TH Vạn Yên		2	7	25/5	82.00	83.00	82.50		82.50
98	ML291	Nguyễn Thị	Hằng	06/12/1993	Nữ	Mỹ thuật TH	TH Quang Minh A		1	8	24/5	66.50	64.00	65.25		65.25

Số TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ca thi (1:sáng 2:chiều)	Phòng Thi	Ngày thi	GK1	GK2	Điểm chung GK	Điểm cộng	Điểm tổng
99	ML292	Hoàng Thị	Hường	29/4/2002	Nữ	Mỹ thuật TH	TH Quang Minh A		1	8	24/5	64.50	63.00	63.75		63.75
100	ML298	Trần Thị	Yến	30/10/1997	Nữ	Âm nhạc THCS	THCS Tiến Thịnh		1	8	24/5	82.00	84.00	83.00		83.00
101	ML301	Trần Thị Kim	Dung	15/08/1988	Nữ	Tin học TH	TH Chi Đông		1	8	24/5	59.00	58.00	58.50		58.50
102	ML305	Đàm Anh	Thắng	04/07/1990	Nam	Tin học TH	TH Tự Lập B	Con BB	1	8	24/5	60.00	61.00	60.50	5.00	65.50
103	ML317	Đặng Thu	Lê	26/01/1996	Nữ	Ngữ Văn	THCS Đại Thịnh		2	9	24/5	53.00	54.00	53.50		53.50
104	ML322	Ngô Mai	Chi	29/12/2000	Nữ	Ngữ văn	THCS Phạm Hồng Thái		2	9	24/5	50.00	50.50	50.25		50.25
105	ML326	Hà Tú	Anh	03/08/2001	Nữ	Ngữ văn	THCS Tiền Phong		1	9	24/5	60.00	59.50	59.75		59.75
106	ML335	Phạm Thị Phương	Nguyên	03/12/1986	Nữ	Ngữ văn	THCS Tiền Phong		1	9	24/5	75.50	76.00	75.75		75.75
107	ML337	Đỗ Xuân	Quỳnh	12/06/2001	Nữ	Ngữ Văn	THCS Tiền Phong		1	9	24/5	70.00	70.50	70.25		70.25
108	ML338	Tạ Thị Huyền	Trang	27/02/2001	Nữ	Ngữ văn	THCS Tiền Phong		1	9	24/5	66.00	65.00	65.50		65.50
109	ML339	Nguyễn Hải	Anh	06/12/2000	Nữ	Ngữ văn	THCS Tiến Thắng		1	9	25/5	64.00	64.00	64.00		64.00
110	ML346	Vũ Thị	Lý	15/6/1988	Nữ	Ngữ Văn	THCS Tiến Thắng		1	9	25/5	72.00	70.00	71.00		71.00
111	ML347	Nguyễn Hồng	Phúc	12/4/1994	Nữ	Ngữ Văn	THCS Tiến Thắng		1	9	25/5	56.00	55.50	55.75		55.75
112	ML351	Nguyễn Thị	Trâm	05/09/1996	Nữ	Ngữ văn	THCS Tráng Việt		2	9	24/5	68.50	67.00	67.75		67.75
113	ML352	Đỗ Thị Như	Tuyến	17/5/1993	Nữ	Ngữ văn	THCS Tráng Việt		2	9	24/5	72.50	73.50	73.00		73.00
114	ML355	Tạ Bích	Hậu	31/12/1992	Nữ	Toán học	THCS Liên Mạc		1	10	24/5	86.00	85.00	85.50		85.50
115	ML359	Nguyễn Thu	Trang	29/6/2000	Nữ	Toán học	THCS Liên Mạc		1	10	24/5	78.00	81.00	79.50		79.50
116	ML360	Nguyễn Thị Kim	Ánh	17/2/2001	Nữ	Toán học	THCS Tiền Phong		1	10	24/5	80.00	83.00	81.50		81.50
117	ML361	Nguyễn Quang	Dương	27/10/1992	Nam	Toán học	THCS Tiền Phong		1	10	24/5	90.00	92.00	91.00		91.00
118	ML364	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	23/12/1996	Nữ	Toán học	THCS Tiền Phong		1	11	24/5	86.50	83.50	85.00		85.00
119	ML368	Trịnh Thị Ánh	Ngọc	19/10/1997	Nữ	Toán học	THCS Tiền Phong		1	11	24/5	86.00	85.00	85.50		85.50
120	ML369	Nguyễn Hồng	Nguyệt	26/4/1994	Nữ	Toán học	THCS Tiền Phong		1	11	24/5	87.00	88.00	87.50		87.50
121	ML371	Lê Thị	Thư	27/8/1995	Nữ	Toán học	THCS Tiền Phong		1	11	24/5	90.00	89.00	89.50		89.50
122	ML372	Đỗ Thuý	Trang	13/9/1996	Nữ	Toán học	THCS Tiền Phong		1	12	24/5	77.00	75.00	76.00		76.00
123	ML374	Nguyễn Huy	An	01/03/2001	Nam	Toán học	THCS Tiến Thắng		1	12	24/5	78.00	78.00	78.00		78.00
124	ML375	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/8/1993	Nữ	Toán học	THCS Tiến Thắng		1	12	24/5	75.00	73.00	74.00		74.00
125	ML376	Đỗ Thị Thu	Hà	14/04/2000	Nữ	Toán học	THCS Tiến Thắng		1	12	24/5	82.00	83.00	82.50		82.50
126	ML377	Phạm Mỹ	Hà	13/3/2000	Nữ	Toán học	THCS Tiến Thắng		2	10	24/5	86.00	89.00	87.50		87.50
127	ML378	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	06/9/2000	Nữ	Toán học	THCS Tiến Thắng		2	10	24/5	90.00	92.00	91.00		91.00
128	ML379	Nguyễn Thị Vân	Huyền	10/3/1991	Nữ	Toán học	THCS Tiến Thắng		2	10	24/5	84.00	81.00	82.50		82.50
129	ML380	Trần Thị Hồng	Khôi	20/7/1990	Nữ	Toán học	THCS Tiến Thắng		2	10	24/5	80.00	82.00	81.00		81.00
130	ML383	Nguyễn Thu	Phương	06/7/2001	Nữ	Toán học	THCS Tiến Thắng		2	11	24/5					Bỏ thi
131	ML384	Nguyễn Thu	Phương	28/8/1993	Nữ	Toán học	THCS Tiến Thắng		2	11	24/5	83.00	85.00	84.00		84.00

Số TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ca thi (1:sáng 2:chiều)	Phòng Thi	Ngày thi	GK1	GK2	Điểm chung GK	Điểm cộng	Điểm tổng
132	ML387	Phạm Thị Thủy	Hà	07/11/1985	Nữ	Toán học	THCS Tráng Việt		2	11	24/5	86.00	88.00	87.00		87.00
133	ML389	Nguyễn Thị	Hoa	08/04/1995	Nữ	Toán học	THCS Tráng Việt		2	11	24/5					Bỏ thi
134	ML390	Nguyễn Thị	Hồng	21/05/1994	Nữ	Toán học	THCS Tráng Việt		2	12	24/5					Bỏ thi
135	ML391	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	16/11/2002	Nữ	Toán học	THCS Tráng Việt		2	12	24/5	77.00	76.00	76.50		76.50
136	ML392	Trần Diệu	Linh	08/12/2003	Nữ	Toán học	THCS Tráng Việt		2	12	24/5	66.00	63.00	64.50		64.50
137	ML393	Nguyễn Thành	Luân	01/11/2003	Nam	Toán học	THCS Tráng Việt		2	12	24/5	81.00	82.00	81.50		81.50
138	ML395	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	18/11/2001	Nữ	Toán học	THCS Tráng Việt		1	10	25/5	81.50	82.50	82.00		82.00
139	ML397	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/1997	Nữ	Toán học	THCS Tráng Việt		1	10	25/5	90.00	90.00	90.00		90.00
140	ML398	Đỗ Thị Phương	Thảo	08/03/1992	Nữ	Toán học	THCS Tráng Việt		1	10	25/5					Bỏ thi
141	ML401	Mai Thị	Vân	01/5/1995	Nữ	Toán học	THCS Tráng Việt		1	10	25/5	81.00	80.00	80.50		80.50
142	ML402	Phạm Thùy	Dương	01/04/2001	Nữ	Toán học	THCS Tráng Việt		1	10	25/5					Bỏ thi
143	ML405	Đàm Mai	Hương	10/12/1998	Nữ	Toán học	THCS Tự Lập		1	11	25/5	74.00	74.00	74.00		74.00
144	ML409	Đào Thị	Liên	01/7/1995	Nữ	Toán học	THCS Tự Lập		1	11	25/5	75.00	75.00	75.00		75.00
145	ML410	Nguyễn Thị Thuý	Linh	29/7/2002	Nữ	Toán học	THCS Tự Lập		1	11	25/5	84.00	84.00	84.00		84.00
146	ML415	Nguyễn Thị Bích	Phượng	06/11/2000	Nữ	Toán học	THCS Tự Lập		1	11	25/5	73.00	74.00	73.50		73.50
147	ML417	Nguyễn Thu	Hà	10/07/1989	Nữ	Toán học	THCS Văn Khê		1	11	25/5	79.00	79.00	79.00		79.00
148	ML418	Đỗ Thị Bích	Hằng	01/09/1987	Nữ	Toán học	THCS Văn Khê		1	12	25/5	81.00	80.00	80.50		80.50
149	ML421	Nguyễn Thị Thu	Mai	25/12/2002	Nữ	Toán học	THCS Văn Khê		1	12	25/5					Bỏ thi
150	ML423	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	25/01/1994	Nữ	Toán học	THCS Văn Khê		1	12	25/5	80.00	80.00	80.00		80.00
151	ML426	Nguyễn Thị Hải	Yến	01/03/1995	Nữ	Toán học	THCS Văn Khê		1	12	25/5	83.00	81.00	82.00		82.00
152	ML427	Nguyễn Thu	Hằng	09/12/1994	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Chi Đông		1	13	24/5					Bỏ thi
153	ML428	Nguyễn Thị	Huế	04/6/2000	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Chi Đông		1	13	24/5	84.00	82.00	83.00		83.00
154	ML429	Nguyễn Thị Hương	Lam	05/09/1993	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Chi Đông		1	13	24/5	79.00	79.00	79.00		79.00
155	ML430	Bùi Thị Hồng	Nhung	03/12/2001	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Chi Đông		1	13	24/5	77.00	78.00	77.50		77.50
156	ML431	Tạ Lưu Bảo	Phượng	25/12/2000	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Chi Đông		1	14	24/5	82.00	80.00	81.00		81.00
157	ML433	Nguyễn Thị Thanh	Bình	01/11/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Quang Minh A		1	14	24/5	65.00	61.00	63.00		63.00
158	ML434	Trần Thị	Dung	13/12/1994	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Quang Minh A		1	14	24/5					Bỏ thi
159	ML436	Nguyễn Thị Thu	Hà	15/04/1984	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Quang Minh A		1	14	24/5	83.00	79.00	81.00		81.00
160	ML437	Khổng Thị Thanh	Hoan	29/10/1987	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Quang Minh A		2	13	24/5					Bỏ thi
161	ML438	Phạm Thị	Thoa	27/7/1985	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Quang Minh A		2	13	24/5	85.00	85.00	85.00		85.00
162	ML439	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	01/03/1989	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Quang Minh A		2	13	24/5	90.00	90.00	90.00		90.00
163	ML440	Nguyễn Thị	Xuân	02/3/1982	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Quang Minh A		2	13	24/5	94.00	92.00	93.00		93.00
164	ML441	Nguyễn Thị	Hường	22/09/1990	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Thanh Lâm A		2	14	24/5	87.00	83.00	85.00		85.00

Số TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ca thi (1:sáng 2:chiều)	Phòng Thi	Ngày thi	GK1	GK2	Điểm chung GK	Điểm cộng	Điểm tổng
165	ML442	Nguyễn Thị	Mai	02/4/2000	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Thanh Lâm A		2	14	24/5	66.00	66.00	66.00		66.00
166	ML443	Trần Thị Hồng	Nhung	31/3/1996	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Thanh Lâm A		2	14	24/5	66.00	68.00	67.00		67.00
167	ML444	Nguyễn Thu	Trang	15/2/2000	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Thanh Lâm A		2	14	24/5	87.00	89.00	88.00		88.00
168	ML445	Nguyễn Thị	Xuân	02/11/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Thanh Lâm A		1	13	25/5	85.00	87.00	86.00		86.00
169	ML446	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	15/5/1998	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Thanh Lâm B		1	13	25/5	84.00	86.00	85.00		85.00
170	ML447	Nguyễn Thị Thuý	Hoa	18/06/1997	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Thanh Lâm B		1	13	25/5	74.00	75.00	74.50		74.50
171	ML448	Phùng Thị Bích	Ngọc	07/01/1996	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Thanh Lâm B		1	13	25/5	82.00	80.00	81.00		81.00
172	ML451	Nguyễn Thị	Hồng	08/4/1991	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Tự Lập A		1	13	25/5	37.00	40.00	38.50		38.50
173	ML452	Nguyễn Thị	Liên	28/07/1990	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Tự Lập A		1	14	25/5	75.00	75.00	75.00		75.00
174	ML454	Nguyễn Thị Thùy	Linh	30/01/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Vạn Yên		1	14	25/5	32.00	28.00	30.00		30.00
175	ML455	Trần Thị	Luận	10/07/1988	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Vạn Yên		1	14	25/5	58.00	54.00	56.00		56.00
176	ML456	Nguyễn Thị Thanh	Mai	27/10/1993	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Vạn Yên		1	14	25/5	90.00	92.00	91.00		91.00
177	ML457	Nguyễn Thị	Nhung	18/8/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	TH Vạn Yên		1	14	25/5	94.00	92.00	93.00		93.00
178	ML459	Nguyễn Thị Mỹ	Nga	25/04/1999	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Đại Thịnh		1	15	24/5	60.00	59.00	59.50		59.50
179	ML460	Nguyễn Thị Hương	Nguyệt	15/10/1992	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Đại Thịnh		1	15	24/5	63.00	58.00	60.50		60.50
180	ML461	Hà Thị Thu	Hào	08/11/1994	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Liên Mạc		1	15	24/5	57.00	57.00	57.00		57.00
181	ML463	Nguyễn Diệu	Thuý	27/10/2001	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Liên Mạc		1	15	24/5	74.00	72.00	73.00		73.00
182	ML464	Lê Hải	Yến	06/12/1994	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Liên Mạc		1	16	24/5	78.00	76.00	77.00		77.00
183	ML465	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	05/06/2000	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Liên Mạc		1	16	24/5	80.00	82.00	81.00		81.00
184	ML466	Lê Thị Kim	Anh	23/12/1996	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Mê Linh		1	16	24/5	81.00	80.00	80.50		80.50
185	ML468	Nguyễn Tiến	Mạnh	07/1/2002	Nam	Tiếng Anh THCS	THCS Mê Linh		1	17	24/5					Bỏ thi
186	ML467	Đinh Thị Vân	Anh	10/01/1988	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Mê Linh	Con BB	1	16	24/5					Bỏ thi
187	ML469	Lê Hoàng Mai	Hương	28/01/1993	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Phạm Hồng Thái		1	17	24/5	68.00	67.00	67.50		67.50
188	ML470	Trần Thị Quỳnh	Anh	05/4/1999	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Quang Minh		1	17	24/5	72.00	76.00	74.00		74.00
189	ML471	Trần Thị Lan	Anh	02/1/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Quang Minh		1	17	24/5	67.00	65.00	66.00		66.00
190	ML472	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/1/1997	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Quang Minh		2	15	24/5	77.00	78.00	77.50		77.50
191	ML473	Đỗ Thị Thanh	Hà	27/5/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Quang Minh		2	15	24/5	79.00	78.00	78.50		78.50
192	ML475	Nguyễn Thị Kim	Huệ	20/12/2001	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Quang Minh		2	15	24/5	64.00	62.00	63.00		63.00
193	ML477	Tạ Thị Thanh	Hương	08/7/1995	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Quang Minh		2	15	24/5	78.00	78.00	78.00		78.00
194	ML478	Nguyễn Nhật	Linh	30/12/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Quang Minh		2	16	24/5	58.00	53.00	55.50		55.50
195	ML479	Lại Khánh	Linh	25/12/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Quang Minh		2	16	24/5	63.00	65.00	64.00		64.00
196	ML480	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	14/12/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Quang Minh		2	16	24/5	81.00	82.00	81.50		81.50
197	ML481	Nguyễn Thế	Nhật	30/09/1990	Nam	Tiếng Anh THCS	THCS Quang Minh		2	16	24/5	56.00	52.00	54.00		54.00

Số TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ca thi (1:sáng 2:chiều)	Phòng Thi	Ngày thi	GK1	GK2	Điểm chung GK	Điểm cộng	Điểm tổng
198	ML482	Phạm Thị Lê	Quyên	03/4/1997	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Quang Minh		2	17	24/5	80.00	82.00	81.00		81.00
199	ML483	Dương Thị Kim	Thanh	02/2/1996	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Quang Minh		2	17	24/5					Bỏ thi
200	ML484	Phạm Thu	Trang	07/9/1998	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Quang Minh		2	17	24/5					Bỏ thi
201	ML486	Nguyễn Thị	Bảy	19/01/2001	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Tiên Thắng		2	17	24/5	68.00	66.00	67.00		67.00
202	ML487	Nguyễn Quỳnh	Dương	23/12/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Tiên Thắng		1	15	25/5	59.00	58.00	58.50		58.50
203	ML488	Phùng Thị	Hằng	22/11/1987	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Tiên Thắng		1	15	25/5	85.00	85.00	85.00		85.00
204	ML489	Nguyễn Quỳnh	Hoa	21/11/1987	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Tiên Thắng		1	15	25/5	80.00	83.00	81.50		81.50
205	ML490	Phan Thị	Nhung	01/03/2000	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Tiên Thắng		1	15	25/5	71.00	72.00	71.50		71.50
206	ML491	Lê Hải	Yến	20/11/1992	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Tiên Thắng		1	15	25/5	67.00	69.00	68.00		68.00
207	ML493	Phạm Thị	Huyền	03/10/1994	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Văn Khê		1	16	25/5	74.00	72.00	73.00		73.00
208	ML494	Nguyễn Quỳnh	Lưu	25/05/1997	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Văn Khê		1	16	25/5	72.00	73.00	72.50		72.50
209	ML495	Nguyễn Thị	Mơ	01/09/1985	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Văn Khê		1	16	25/5	65.00	67.00	66.00		66.00
210	ML496	Nguyễn Thị	Nga	17/6/2000	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Văn Khê		1	16	25/5	73.00	74.00	73.50		73.50
211	ML497	Trịnh Thị	Nhấn	14/11/1995	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Văn Khê		1	16	25/5	81.00	79.00	80.00		80.00
212	ML498	Nguyễn Thị	Quyên	18/7/1992	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Văn Khê		1	17	25/5	63.00	61.00	62.00		62.00
213	ML499	Đinh Thị	Thành	09/01/1989	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Văn Khê		1	17	25/5	79.00	77.00	78.00		78.00
214	ML500	Phạm Thu	Trang	06/9/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Văn Khê		1	17	25/5					Bỏ thi
215	ML501	Lê Thị Thu	Trang	26/12/1997	Nữ	Tiếng Anh THCS	THCS Văn Khê		1	17	25/5	73.00	74.00	73.50		73.50